

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/KDTM-ST
Ngày: 16/06/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Loan**

Ông Nguyễn Văn Quý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 06 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 48/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 04 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXXST-KDTM ngày 23/05/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-KDTM ngày 03/06/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà A Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Ngọc H, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T1

Địa chỉ trụ sở chính: Lô L, khu đô thị M, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Lê Văn V; chức vụ: Giám đốc điều hành. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Lê Văn D; chức vụ: Giám đốc sản xuất. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/3/2025, Công ty TNHH T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Một thành viên T1 (Sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng Thi công xây dựng số 18.03/2025HĐ – BTN về việc Thi công thảm bê tông nhựa mặt đường

Công trình: Cải tạo, chỉnh trang nút giao thông Đại lộ N với đường N. Nội dung hợp đồng quy định cụ thể công việc như sau: Bên A (Công ty T) giao cho bên B (Công ty T1) thực hiện thi công các hạng mục thảm Bê tông nhựa mặt đường công trình: Cải tạo, chỉnh trang nút giao thông đại lộ N với đường N theo đúng nội dung trên bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt, hồ sơ bổ sung thiết kế (nếu có).....”. Tại Điều 2 của Hợp đồng quy định về thời gian thực hiện hợp đồng cụ thể là: “Ngày bắt đầu: Ngày 20 tháng 03 năm 2025; Ngày hoàn thành: Ngày 24 tháng 03 năm 2025” nhưng đến nay Công ty T1 vẫn chưa thực hiện việc thi công và cũng không có kế hoạch thi công. Công ty T đã có văn bản đề nghị thực hiện hợp đồng tới Công ty T1 9, nhưng phía Công ty T1 vẫn cố tình không thực hiện theo đúng thỏa thuận của hợp đồng đã ký. Việc vi phạm điều khoản về thời gian thực hiện hợp đồng của Công ty T1 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tiến độ thi công và bàn giao công trình cho chủ đầu tư, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T. Tại Điều 3 của Hợp đồng quy định cụ thể về khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng như sau: Hạng mục là Thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (*loại BTN C16*) chiều dày đã lên ép 7cm, khối lượng là 1.167m² (*một nghìn một trăm sáu mươi bảy mét vuông*), đơn giá là 178.000đ/m², tổng giá trị hợp đồng là 207.726.000đ (*hai trăm linh bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Vào ngày 19/3/2025, ngay sau khi ký hợp đồng, phía Công ty T đã thực hiện đầy đủ việc thanh toán cho Công ty T1 9 số tiền tạm ứng 70% giá trị Hợp đồng cho Công ty T1 9 là 145.408.200đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm linh tám nghìn hai trăm đồng*) theo đúng mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng. Sau khi công ty T1 9 chậm trễ việc thực hiện thi công công trình, Công ty T có văn bản đề nghị Công ty T1 9 hoàn lại số tiền đã tạm ứng và thanh toán số tiền phạt do vi phạm hợp đồng đã được quy định tại điều 7 Hợp đồng Thi công xây dựng số 18.03/2025HĐ–BTN về việc Thi công thảm bê tông nhựa mặt đường đã ký giữa hai bên. Nội dung quy định về mức phạt vi phạm hợp đồng cụ thể như sau: “*Trong trường hợp bên nào vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng thì bên vi phạm hợp đồng sẽ bị phạt hợp đồng là 30% giá trị hợp đồng*”. Tuy nhiên, Công ty T1 vẫn cố tình không thực hiện thi công cũng như cố tình không hoàn tiền tạm ứng và thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng như đã thỏa thuận.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty T1 9 thực hiện việc thanh toán toàn bộ số tiền đã tạm ứng là: 145.408.200 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm đồng*) và số tiền phạt vi phạm hợp đồng 12% giá trị hợp đồng là 24.927.120đ (*Bằng chữ: Hai mươi tư triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng*) cho Công ty T. Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán

cho Công ty T là 170.335.320đ (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Quá trình làm việc, bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án và không thể hiện quan điểm bằng văn bản về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”, các bên đều có đăng ký kinh doanh và tham gia hợp đồng tín dụng đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại Lô A MBQH A, đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng Công ty TNHH Một thành viên T1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Công ty TNHH Một thành viên T1 9 theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Công ty TNHH Một thành viên T1 đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng Công ty TNHH Một thành viên T1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ Công ty TNHH Một thành viên T1 9 lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng Công ty TNHH Một thành viên T1 vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt Công ty TNHH Một thành viên T1..

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 18/3/2025 Công ty TNHH T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Một thành viên T1 (Sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng Thi công xây dựng số 18.03/2025HĐ – BTN. Việc kí hợp đồng tín dụng là tự nguyện giữa hai bên, các bên tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội

dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hợp đồng Thi công xây dựng trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T đã thực hiện đúng nghĩa vụ và thanh toán số tiền tạm ứng (*thanh toán trước*) là: 145.408.200 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn lăm triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm đồng*) vào ngày 19/03/2025 (*ngày sau khi ký kết hợp đồng thi công xây dựng*). Tuy nhiên Công ty TNHH Một thành viên T1 không thực hiện công việc theo đúng cam kết trong hợp đồng đã ký mặc dù Công ty TNHH T đã nhiều lần đôn đốc là đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo hợp đồng thi công xây dựng. Công ty TNHH T đã yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T1 hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng (*thanh toán trước*) và thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH T được chấp nhận nên Công ty TNHH Một thành viên T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của BLTTDS; Điều 277, Điều 278, Điều 281, Điều 468 BLDS, Điều 138, Điều 139, Điều 146 Luật xây dựng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 về việc tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH T số tiền tạm ứng Công ty TNHH T đã nộp cho Công ty TNHH Một thành viên T1 là 145.408.200 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn lăm triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm đồng*) và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 24.927.120 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tư triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng*). Tổng cộng là 170.335.320 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Kể từ khi Công ty TNHH T có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án có Quyết định thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng Công ty TNHH Một thành viên T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 phải nộp 8.516.766 đồng (*bằng chữ: tám triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.258.000 đồng (*bằng chữ: bốn triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006829 ngày 17/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh Nguyễn Văn Long

Nguyễn Thanh Tân